

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 5 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tiến Tăng
2. Ông Cao Xuân Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yên - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện H1, tỉnh G (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Duy T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện H1, tỉnh G. (Vắng mặt, đã triệu tập lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 12/01/2021, bản tự khai ngày 25/02/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H trình bày: Chị và anh Hoàng Duy T đăng ký kết hôn ngày 30/6/2011, tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh G. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau kết hôn vợ chồng C sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, đến năm

2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời, không chịu làm ăn, chơi cờ bạc, dẫn đến nợ nần nhiều. Tháng 7 năm 2016 vợ chồng anh chị vào Bà Rịa - Vũng Tàu làm ăn được một thời gian, anh T tiếp tục chơi bời, nợ nần. Thời gian đó anh T có xin chị H tha thứ, và hứa sẽ tu chí làm ăn, chị H đã bỏ qua nhiều lần nhưng không thay đổi. Đến năm 2019 anh chị cùng hai con về nhà và được bố mẹ để chị H hỗ trợ vốn mở quán cơm, phở tại Km5 Thôn T1, xã T2, huyện H1, tỉnh H2. Sau khi trở về nhà được một thời gian anh T tiếp tục chơi bời, cờ bạc, nợ nần nhiều, không giúp chị H chăm sóc con cái và bán hàng mà còn mang xe máy đi cầm cố và bị chủ nợ đến nhà quấy nhiễu, lấy đồ đạc có giá trị mang đi (tivi), đến nay vẫn chưa mang về. Mặc dù đã được chính quyền địa phương, gia đình khuyên ngăn, anh T đã hứa nhiều lần với chị và gia đình nhưng vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên chơi bời, cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc con cái, không san sẻ công việc và kiếm tiền. Đến nay chị H không chịu đựng được những áp lực cuộc sống, nhận thấy không thể chung sống cùng nhau được do không có sự quan tâm, yêu thương, vun vén hạnh phúc gia đình từ anh T, cuộc sống không hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được, chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con C là cháu Hoàng Minh C, sinh ngày 30/7/2012 và cháu Hoàng Trung H, sinh ngày 14/11/2018. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị H, anh T không có tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 10/3/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2021 bị đơn anh Hoàng Duy T xác nhận: Vợ chồng anh chị đăng ký kết hôn ngày 30/6/2011 tại UBND xã Q, huyện H1, tỉnh G trên tinh thần tự nguyện, không ai bị ép buộc và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau và làm ăn tại Thôn T1, xã T2, huyện H1, tỉnh H2. Cuộc sống vợ chồng sau kết hôn chung sống hạnh phúc, không xảy ra bất cứ mâu thuẫn gì. Hằng ngày vợ chồng cùng nhau bán cơm, phở tại ngã 3 km5 thuộc Thôn Tân Tiến 2, xã Tân Tiến. Anh T xác nhận, anh thỉnh thoảng có vắng nhà nhưng chỉ đi vắng 1-2 ngày lại về, trước khi đi có nói với gia đình, vợ con là đi làm ăn chứ anh không đi chơi. Ngoài ra anh vẫn thường xuyên ở nhà, phụ giúp chị H bán hàng. Khoảng tháng 01/2021 khi chị H viết đơn ly hôn, giữa anh và chị H xảy ra cãi vã, có mời chính quyền địa phương và Công an xã

Tân Tiến đến can thiệp. Ngoài ra cũng có gia đình hai bên nội, ngoại đến hòa giải cho vợ chồng anh chị. Nay anh T nhận thấy bản thân đã có những hành động sai, không quan tâm vợ con, nhưng anh đã khắc phục được, không để xảy ra mâu thuẫn, anh vẫn còn tình cảm với vợ, yêu thương các con, anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, do vậy anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh T xác nhận anh chị có hai con chung là Hoàng Minh C, sinh ngày 30/7/2012 và cháu Hoàng Trung H3, sinh ngày 14/11/2018. Trường hợp phải ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con, không đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do vậy Tòa án mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử.

* Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T, nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do không đưa ra được quan điểm về việc giải quyết vụ án.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật, thủ tục phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật TTDS, bị đơn vi phạm nghĩa vụ khi tham gia tố tụng 02 lần đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về việc giải quyết vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị H và anh T kết hôn ngày 30/6/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh H, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình C sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh T chơi bời không quan tâm đến gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thúy H, đề nghị xử cho chị Nguyễn Thúy H được ly hôn với anh Hoàng Duy T.

* Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Hoàng Minh C sinh ngày 30/7/2012 và cháu Hoàng Trung H3 sinh ngày 14/11/2018. Ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung. Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy chị H có công việc và thu nhập ổn định từ việc kinh doanh, có điều kiện để nuôi dưỡng hai cháu, đồng thời cháu C cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Anh T thường xuyên chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc con cái, không có thu nhập ổn định. Như vậy, việc giao cháu C và cháu H3 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

* Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147, Điều 227 Bộ luật TTDS; Điều a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn với anh T;

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Minh C, sinh ngày 30/7/2012 và cháu Hoàng Trung H3, sinh ngày 14/11/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn và tranh chấp nuôi con. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con C. Chị H và anh T cùng cư trú tại Thôn T1, xã T2, huyện H1, tỉnh H2. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang. Về việc vắng mặt của bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị Nguyễn Thúy H và anh Hoàng Duy T kết hôn với nhau ngày 30/6/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Minh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, việc kết hôn là tự nguyện. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng Hội đồng xét xử xét thấy đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân là do anh T thường xuyên chơi bời, cờ bạc, dẫn đến nợ nần, không chịu tu chí làm ăn, không chăm lo gia đình, con cái. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, mặc dù đã được chính quyền địa phương và gia đình hai bên khuyên can và hòa giải nhưng anh T không thay đổi. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đã làm đơn xin ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp bởi lẽ: Quá trình C sống chị H và anh T không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, không khắc phục được tình cảm. Bản thân anh T cũng thừa nhận anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình C sống, anh thường xuyên đi vắng nhà, đi chơi qua đêm, có lần đi vắng 4-5 ngày mới về, anh có nợ nần bên ngoài và đã mang xe máy đi cầm cố lấy tiền, mang tivi đi bán để trả nợ. Bản thân anh có dọa nạt và cãi nhau với chị H nên đã mời Công an xã và Bí thư thôn đến làm việc, anh có viết bản cam kết không tái phạm. Anh T xác nhận anh chị có mâu thuẫn, xích mích với nhau, nguyên nhân cũng chỉ xuất phát do anh thường xuyên chơi bời, cờ bạc, không quan tâm gia đình. Kể từ ngày chị H nộp đơn ly hôn, anh càng tiêu cực nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, xảy ra cãi vã. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, C thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*”, nhưng giữa hai anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Tại bản tự khai cũng như tại phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải anh T không nhất trí ly hôn, đề nghị chị H quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không nêu ra

được giải pháp để đoàn tụ, không có sự thay đổi mặc dù được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần. Mâu thuẫn giữa chị H và anh T còn phù hợp với biên bản xác minh của chính quyền địa phương, hàng xóm và mẹ ruột chị H. Quá trình xác minh được chính quyền cơ sở xác nhận vợ chồng chị H, anh T trong thời gian C sống với nhau có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T1, xã T2, huyện H1, tỉnh H2, hiện nay vẫn sinh sống và làm ăn tại thôn, chị H và anh T mở quán bán hàng ăn (cơm, phở) tại ngã ba Km5 thôn Tân Tiến 2. Thời gian đầu, anh chị cùng nhau làm ăn, đến năm 2019 anh T thường xuyên chơi bời, cờ bạc, nợ nần nhiều, không tu chí làm ăn, không quan tâm gia đình, vợ con. Chị H một mình làm ăn và chăm sóc con cái. Anh T đi chơi, vắng nhà cả ngày, đêm, thậm chí có nhiều lần chủ nợ đến đòi nợ và lấy đồ đạc có giá trị trong gia đình đi khiến tâm lý chị H lo sợ, không tập trung làm ăn được. Cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, anh T liên tục đe dọa tính mạng chị H, chính quyền địa phương đã nhắc nhở, gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần, anh T cũng cam kết không tái phạm nhưng không có sự thay đổi, không tu chí làm ăn, thường xuyên bỏ bê gia đình đi chơi qua đêm, cờ bạc, không quan tâm vợ con, dọa nạt, chửi bới chị H khiến tâm lý chị H và các con bị ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày. Nay vợ chồng anh chị sống cùng nhau nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc nên dẫn đến giữa hai bên gia đình nội, ngoại có mâu thuẫn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh T đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Minh C, sinh ngày 30/7/2012 và cháu Hoàng Trung H3, sinh ngày 14/11/2018. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu Hoàng Trung H3 dưới 36 tháng tuổi, cháu Hoàng Minh C có nguyện vọng được sống với mẹ, hơn nữa chị H có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc tốt cho các cháu. Việc anh T có yêu cầu được nuôi cả hai cháu nhưng anh T thường xuyên vắng nhà, chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc con và không có chỗ ở ổn định, không có nghề nghiệp, thu nhập nên không chấp nhận nguyện vọng của anh T về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung, tạo điều kiện tốt nhất cho các cháu sinh sống và học tập. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng với quy định của pháp luật. Do anh T không có nghề nghiệp và thu nhập

nên chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con C của chị Nguyễn Thúy H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thúy H được ly hôn với anh Hoàng Duy T.

3. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thúy H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Minh C, sinh ngày 30/7/2012 và cháu Hoàng Trung H3, sinh ngày 14/11/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thúy H phải chịu 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền chị H đã nộp tại Chi cục THA dân sự huyện Hoàng Su Phì Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 04452 ngày 14/01/2021 (chị H đã nộp đủ án phí).

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh HG;
- UBND xã Quang Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THA;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Phương

